TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số:21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 5- 2022
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Long.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Xuân Thắng; Bà Nguyễn Thị Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2022/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: ông Trần Văn Hòa A, sinh năm: 1978 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cư trú tại: Tổ dân phố 4, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Thu Th, sinh năm: 1985 (vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2).

Cư trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn Hòa A trình bày: ông và bà Nguyễn Thị Thu Th xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/10/2020. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, mặc dù cả hai bên đã cố gắng nhưng vẫn không cải thiện được. Do không thể tiếp tục chung sống được với nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Xét thấy

mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Nguyễn Thị Thu Th được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và Bà Th có một con chung là Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/11/2020. Hiện nay cháu M đang ở cùng với mẹ tại thị trấn K, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi ly hôn ông Trần Văn Hòa A đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thu Th được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung và công nợ chung: ông Trần Văn Hòa A không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09 tháng 3 năm 2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th thừa nhận thời điểm kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như ông Hòa A đã trình bày và bà Th đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông A. Sau khi ly hôn bà có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/11/2020 cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi và chấp nhận việc ông Hòa A cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu M tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị Thu Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Tòa án nhân huyện Ea Kar đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th chỉ có mặt viết bản tự khai nộp cho Tòa án, còn lại đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2022, đại diện Ban tự quản, Tổ dân phố A, thị Trấn E cho biết: Từ năm 2020 vợ chồng ông Trần Văn Hoà A và bà Nguyễn Thị Thu Th sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar. Tuy nhiên đến khoảng cuối năm 2021ông bà không còn sống chung với nhau nữa. Bà Th làm nghề kế toán, có chỗ ở và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72, và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 277; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Văn Hòa A, cho ông A được ly hôn với bà Th. Về con chung, giao con chung Trần Nguyễn Hà M cho bà Nguyễn Thị Thu Th nuôi dưỡng, ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Trần Văn Hòa A, Toà án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là "*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn ông Trần Văn Hòa A khởi kiện xin ly hôn bà Nguyễn Thị Thu Th có nơi cư trú tại thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn ông Trần Văn Hòa A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn Nguyễn Thị Thu Th đã được Toà án nhân dân huyện Ea Kar triệu tập đến phiên toà để xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Hòa A.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn Hòa A và bà Nguyễn Thị Thu Th có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Kar, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/10/2020 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã sống ly thân từ tháng 7/2021 cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa, cả ông A và bà Th đều có nguyện vọng xin được ly hôn. Theo kết quả xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2022 tại Ban tự quản tổ dân phố 2A, thị trấn Ea Kar thì ông A, bà Th đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa ông A và Bà Th đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn Hòa A, cho ông A ly hôn với bà Th là có cơ sở pháp luật.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: vợ chồng ông A bà Th có một con chung là cháu Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/11/2020, theo kết quả xác minh cũng như lời khai của các đương sự thì hiện nay cháu Trần Nguyễn Hà M đang sống cùng bà Th và đang được bà Th nuôi dạy tốt. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Th và ông A đã thống nhất giao con chung là cháu Trần Nguyễn Hà M cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của cháu Hà M. Vì vậy xét thấy cần giao cháu Trần Nguyễn Hà M cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Trần Văn Hòa A được quyền đi lại thăm và chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất ông Trần Văn Hòa A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Trần Nguyễn Hà M đủ 18 tuổi là phù hợp nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: ông Trần Văn Hòa A phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[5] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Diều 84 Điều 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Hòa A.

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho ông Trần Văn Hòa A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu Th.

- Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn Hà M, sinh ngày 02/11/2020 cho bà Nguyễn Thị Thu Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Trần Văn Hòa A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Tuy nhiên ông A không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Văn Hòa A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với con chung Trần Nguyễn Hà M, mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí: ông Trần Văn Hòa A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0007303 ngày 17 tháng 4 năm 2020. Ông Trần Văn Hòa A còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Trần Văn Hòa A, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Đăk Lăk;*
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Ea Kar;*
- *THDS huyện Ea Kar;*
- *Người Tham gia tố tụng;*
- *UBND TT Ea KAr;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Long